

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27- 02- 2023.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Ngô Hồng Lan Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị P, sinh năm 1981; địa chỉ: thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; trú tại: khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Ông Trần Công Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị P, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà P và ông Trần Công Đ tự nguyện chung sống từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 02/03/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không có tiếng nói chung. Vợ chồng tôi đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn và nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi vẫn không có tiếng nói chung. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng, nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết ly hôn với ông Trần Công Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Trần Công Đ:* Đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung;

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đ, Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt từ chối việc hòa giải.

Biên bản xác minh ngày 06/12/2022 tại Hội Liên phụ nữ phường B, không nhận được thông báo về mâu thuẫn vợ chồng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố D nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Võ Thị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Công Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng

vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Võ Thị P và ông Trần Công Đ có Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 02/03/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Phong An, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Đ là hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị P*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Trần Công Đ, có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn; hiện vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc nguyên đơn, bị đơn đã sống ly thân không quan tâm đến nhau cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chỉ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án tổ chức các phiên hòa, mục đích hòa giải mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng; Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Bà Võ Thị P chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, của nguyên đơn bà Võ Thị P đối với bị đơn ông Trần Công Đ.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị P được ly hôn với ông Trần Công Đ (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 02/03/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp).

1.2 Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Võ Thị P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. *Về án phí*: Bà Võ Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000732 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND TP D (1);
- CC THADS TP D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã Phong An, h Phong Điền, t TT Huế (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân